

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 35/2024/DS-PT
Ngày 28-3-2024
V/v *tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường.
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2024/QĐPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/2024/TB-TA ngày 18/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn S**, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hà Văn Th**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn A, xã Ng, huyện N, tỉnh Hải Dương (Theo giấy ủy quyền lập ngày 31/5/2021). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1956. Vắng mặt.

ĐKKHKT: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn A, xã T, huyện T, TP Hải Phòng (Theo giấy ủy quyền lập ngày 03/10/2023). Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1959.

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Văn S**, sinh năm 1955; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Những người làm chứng:

-Ông **Nguyễn Văn X**- Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân T.

-Bà **Nguyễn Thị Lan A**- Kế toán trưởng, Quỹ tín dụng nhân dân T.

-Chị **Bùi Thị V**, sinh năm 1986.

Trú tại: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương;

-Chị **Bùi Thị Q**, sinh năm 1993.

-Ông **Phạm Văn X**, sinh năm 1955.

-Bà **Bùi Thị Tr**, sinh năm 1961;

Đều trú tại: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1956. Vắng mặt.

ĐKKHKT: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn A, xã T, huyện T, TP Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Trước đây, vợ chồng ông và vợ chồng ông L, bà Tr có quan hệ thông gia, do con gái ông lấy con trai ông L là anh Nguyễn Hữu Tr. Năm 2017 (không nhớ chính xác ngày tháng), ông L có đặt vấn đề vay tiền, vợ chồng ông đồng ý và đi vay hộ tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân T và đã thế chấp thửa đất để vay 400.000.000 đồng, hàng tháng ông L phải trả lãi theo lãi suất của Quỹ tín dụng, trả gốc theo 03 kỳ. Số tiền 400.000.000 đồng (cùng với hợp đồng tín dụng) ông đưa tại nhà ông L, không có giấy tờ biên nhận, không có ai làm chứng. Đến tháng 5/2020, ông L tiếp tục hỏi vay ông số tiền 200.000.000 đồng (hỏi vay thời gian khoảng 01 năm). Do không có tiền nên ông vay tạm con gái là chị Bùi Thị V ngày 30/5/2020 đưa cho ông L. Do số tiền mà ông L vay là rất lớn nên ông và ông Nguyễn Hữu L có viết giấy biên nhận chốt nợ với nhau ngày 30/5/2020 với nội dung, ông cho ông Nguyễn Hữu L vay tổng số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), hàng tháng trả lãi theo Quỹ tín dụng 0,97%/tháng (tức 11,64%/năm), thời hạn vay là 01 năm, có chữ ký của ông Nguyễn Hữu L dưới mục người vay và người làm chứng là ông Phạm Văn X. Sau đó vợ chồng ông tiếp tục vay quỹ tín dụng số tiền 200.000.000 đồng để trả cho chị Vui. Từ khi vay số tiền 400.000.000 đồng thì có tháng ông L trả trực tiếp lãi cho Quỹ tín dụng, có tháng ông L đưa tiền lãi cho bà N (vợ ông) trả Quỹ, có tháng thì vợ chồng ông bỏ tiền ra trả lãi. Có việc ông L cầm 150 triệu đồng đến trả Quỹ tín dụng nhưng thực chất tiền đó là của vợ chồng ông đi vay của người khác về đưa cho ông L nhờ mang đến Quỹ tín

dụng trả cho khoản vay của vợ chồng ông. Khi đưa cũng không có giấy tờ, biên nhận gì, không có người làm chứng. Như vậy, số tiền 400 triệu đồng trả gốc cho Quỹ tín dụng mà ông bà đã vay đưa cho ông L từ năm 2017 bản chất vẫn là tiền của ông bà. Vì vậy khi chốt nợ ngày 30/5/2020, ông vẫn ghi còn nợ tổng số tiền 600 triệu đồng, trong đó nợ từ năm 2017 là 400 triệu đồng và cho vay mới là 200 triệu đồng. Đối với khoản tiền lãi từ năm 2017 đến ngày 30/5/2020 hai bên đã thanh toán xong, ông không có yêu cầu gì về lãi suất. Từ viết giấy biên nhận ngày 30/5/2020 đến nay thì ông L không trả gốc và không trả lãi cho ông. Ông xác định nguồn tiền cho ông L vay là tài sản chung của vợ chồng ông, việc ông cho ông L vay là cá nhân ông L, không liên quan đến con rể và vợ ông L. Do ông L không trả nợ và nói là không vay tiền nên ông đã tố cáo ông L đến Công an huyện Tứ Kỳ. Công an huyện Tứ Kỳ đã thụ lý đơn và ra Thông báo số 785/TB-TA ngày 19/5/2022 về việc giải quyết đơn với nội dung không có dấu hiệu tội phạm hình sự và hướng dẫn ông gửi đơn đến Tòa án giải quyết bằng vụ việc dân sự. Nay ông đề nghị Tòa án buộc ông L phải trả cho vợ chồng ông tổng số tiền nợ gốc là **600.000.000** đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/5/2020 đến 30/5/2021 là 0,97%/tháng/tổng số nợ gốc và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay theo lãi suất quy định của Quỹ tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận kể từ ngày 01/6/2021 đến khi xét xử.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn ông Nguyễn Hữu L và người đại diện theo ủy quyền của ông L là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông và vợ chồng ông S là thông gia. Vợ chồng ông S đã nhiều lần vay cho con rể và con gái làm ăn, do làm ăn thua lỗ nên ngày 30/5/2020, ông S có mang tờ giấy đến bảo ông ký để ông S đảo sổ vay Quỹ tín dụng T cho con gái ông S và con trai ông. Vì tin tưởng nên ông có ký mà không đọc nội dung. Ông khẳng định năm 2017 ông không vay 400 triệu đồng, ngày 30/5/2020 ông không vay của ông S 200 triệu đồng, không nhận tiền của vợ chồng ông S, ông cũng không đứng ra vay tiền của ông S hộ anh Tr, chị Quý. Ông không mang trả số tiền 150 triệu đồng và tiền lãi trả cho khoản vay của ông S tại Quỹ tín dụng nhân dân T ngày 01/10/2019, ông khẳng định chữ ký người nộp tiền tại phiếu thu ngày 01/10/2019 mà Quỹ tín dụng T không phải là chữ ký, chữ viết của ông. Đối với giấy biên nhận ngày 30/5/2020, trong biên bản có ghi hai người làm chứng, bên nhà ông có bà Nguyễn Thị Bền (em gái ông) chứng kiến, bên ông S có ông Phạm Văn X, tuy nhiên bà Bền không ký, chỉ có ông X ký, nhưng ông X là anh vợ ông S, điều đó không khách quan. Số tiền lãi và tiền gốc trả ngày 01/10/2019 cũng là do anh Tr trực tiếp mang đi trả hoặc chuyển khoản trả về Quỹ tín dụng trả cho ông S. Nay ông S khởi kiện đòi ông số tiền 600 triệu đồng đã vay và tiền lãi, ông không đồng ý.

Người làm chứng bà Bùi Thị Tr trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Hữu L. Thời điểm còn là thông gia, lúc đó bà đi bế cháu (tức con của anh Tr, chị Quý) ở tỉnh Quảng Ninh, đến thời điểm năm 2021 thì về ở hẳn tại thôn Đoàn Khê, xã Tiên Động. Trong khoảng thời gian trên bà không được nghe, không nhìn thấy ông L vay tiền của ông S, bà N. Giấy biên nhận vay tiền bản chính để

ngày 30/5/2020 ở dưới mục người nhận tiền ký Nguyễn Hữu L, bà xác định đây không phải chữ ký của ông Nguyễn Hữu L vì bà không nhìn thấy thực tế ông L có ký hay không. Trong suốt thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, chồng bà ông Nguyễn Hữu L không đến quỹ tín dụng để trả nợ cho khoản vay của ông Bùi Văn S. Trong thời gian ở Quảng Ninh, bà chỉ được nghe anh Nguyễn Hữu Tr (con trai) nói là cần tiền làm ăn nên có nhờ bố mẹ vợ (tức ông S, bà N) vay tiền hộ, còn bà cũng không biết cụ thể vay như thế nào, số tiền bao nhiêu. Bà cũng không nhớ chính xác ngày tháng năm nào, anh Tr, chị Quý đã ly hôn tại TAND TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, sau khi ly hôn, anh Tr bỏ sang nước ngoài làm ăn, còn đi sang nước nào, làm gì, địa chỉ cụ thể như thế nào thì bà không biết. Nay, ông Skhởi kiện yêu cầu ông L phải trả khoản nợ 600.000.000 đồng và tiền lãi suất, bà không liên quan, không vay nợ vợ chồng ông S, bà N. Bà cũng cho rằng ông L (chồng bà) không vay nợ của vợ chồng S, vì vậy, bà không đồng ý trả nợ.

Người làm chứng chị Bùi Thị Q trình bày: Chị là con của ông S, bà N. Sau khi kết hôn với anh Tr năm 2012, anh chị chuyển ra TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh làm ăn, sinh sống. Việc kinh doanh đều do anh Tr quản lý tiền, tài sản chị không biết. Đến tháng 6/2020, vợ chồng mâu thuẫn và Tòa án nhân dân TP Hạ Long đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Thời điểm ly hôn, do không có tài sản chung, nợ chung nên vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn một thời gian, anh Tr bỏ đi lao động ở nước ngoài (đi Đài Loan), không còn liên hệ với nhau nữa. Sau thời điểm ly hôn, chị về nhà được bố mẹ kể về việc cho ông L vay tiền, còn số tiền cụ thể bao nhiêu, vay từ thời gian nào, vay để làm gì thì chị không rõ. Năm 2017, vợ chồng chị không vay tiền của bố mẹ để chị. Có việc vợ chồng chị trước đó có nhờ bố mẹ hai bên hỏi vay tiền hộ một số cô dì chú bác để vợ chồng làm ăn nhưng sau đó anh Tr trực tiếp về lấy tiền, giấy tờ như thế nào chị không biết. Mọi việc làm ăn, kinh doanh thu, chi đều do chồng chị tự quyết định, không bàn bạc gì với chị, không có việc bố mẹ chị cho vợ chồng chị vay tiền rồi bảo ông L ký vào giấy nhận nợ.

Chị Bùi Thị V trình bày: Chị là con ông S. Chị không biết bố mẹ chị cho ông Nguyễn Hữu L vay tiền như thế nào. Chỉ biết thời điểm tháng 05/2020, chị không nhớ chính xác ngày, khi vợ chồng chị chuẩn bị xây nhà, bố chị có hỏi vay chị số tiền 200.000.000 đồng với mục đích mang số tiền đó để cho ông L vay. Vì là tiền chị chuẩn bị làm nhà nên chỉ cho vay tạm (tức vay nóng) một thời gian ngắn thì phải trả để chị lấy tiền làm nhà, ông S đồng ý. Việc chị cho bố chị vay tiền không có văn bản giấy tờ gì mà hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lấy lãi, chị đã đưa đủ số tiền 200.000.000 đồng (tiền mặt) cho ông S, khi đưa thì không có ai làm chứng. Khoảng tháng 7/2020 chị cần tiền làm nhà nên đã bảo ông S trả số tiền trên, bố mẹ chị có nói là do ông L không trả nên bố mẹ chị lại đi vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân T và đã trả đủ số tiền 200.000.000 đồng cho chị nên chị không yêu cầu gì.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn X- Giám đốc và chị Nguyễn Thị Lan A- Kế toán trưởng Quỹ tín dụng nhân dân T cung cấp: Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, vợ chồng ông S, bà N đã nhiều lần vay vốn của Quỹ tín

dụng. Theo đó ngày 28/9/2017, ông S, bà N và Quỹ tín dụng đã ký hợp đồng tín dụng số 087055, theo đó ông S, bà N vay số tiền 400 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0,96%/tháng (tức 11,68%/năm); phương thức trả lãi hàng tháng, trả gốc làm 3 kỳ, kỳ 01 đến ngày 28/9/2018 phải trả 100 triệu đồng; kỳ 2 đến ngày 28/9/2019 phải trả 150 triệu đồng; kỳ 3 đến ngày 28/9/2020 phải trả 150 triệu đồng, ngoài ra còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên được ghi trong hợp đồng tín dụng, Quỹ đã giải ngân bằng tiền mặt. Ông S, bà N đã thế chấp quyền sử dụng 932m² của vợ chồng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Đến tháng 9/2020, khoản vay đã được tắt toán. Ngày 17/7/2020, ông S, bà N tiếp vay của Quỹ số tiền 200 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phương thức trả nợ gốc, lãi đã được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng. Đối với hợp đồng tín dụng số 087055 ngày 28/9/2017, đây là loại hợp đồng trung hạn, mức lãi suất cố định từ lúc cho vay đến nay vẫn là 11,68%/năm (365 ngày), quy ra 0,96%/tháng (30 ngày). Khi người vay trả tiền lãi hàng tháng và tiền gốc theo định kỳ, trường hợp trả trực tiếp, Quỹ đều lập phiếu thu, người nộp tiền đều ký vào phiếu thu và được lưu trữ theo quy định, trường hợp người vay chuyển khoản, Quỹ tín dụng đều cập nhật trên chứng từ sổ dư tài khoản hàng ngày. Qua kiểm tra nhật ký chứng từ ngày 01/10/2019, không có ai chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng đến tài khoản của Quỹ tín dụng để trả khoản tiền 150 triệu đồng và số tiền lãi 288.000 đồng cho hợp đồng vay số 087055 của ông S, bà N. Quỹ cung cấp toàn bộ chi tiết các phiếu thu và báo cáo chi tiết sổ dư tài khoản của Quỹ ngày 01/10/2019 cho Tòa án.

Người làm chứng ông Phạm Văn X trình bày: Ông là anh bà N và là anh vợ ông S. Ngày 30/5/2020, khi ông đi làm có qua nhà ông L chơi, thấy ông S và ông L trao đổi về việc vay nợ, ông S có viết giấy biên nhận đưa cho ông L ký, hai ông vui vẻ, ông vào đó nên ông S bảo ông ký với tư cách là người làm chứng nên ông ký, việc tiền ông S đưa cho ông L trước đó như thế nào ông không chứng kiến.

Ngày 29/11/2022, Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Hữu Tr xuất cảnh ngày 26/11/2020 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại kết luận giám định số 45/KL-KTHS (TL) ngày 20/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận: Chữ viết Nguyễn Hữu L tại mục người nhận tiền trên tài liệu cần giám định so với chữ viết của người mang tên Nguyễn Hữu L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1-M5 là do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết tại mục “Người nộp” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Nguyễn Hữu L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào các điều 429, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn S. Buộc ông Nguyễn Hữu L phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn S và bà Phạm Thị N tổng số tiền: 682.200.000 đồng (Sáu trăm tám mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc: 450.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử 232.200.000 đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và lãi suất chậm trả.

Ngày 03/10/2023 bị đơn ông Nguyễn Hữu L đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Q kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu L là chị Nguyễn Thị Q giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn S. Vì bố chị là ông Nguyễn Hữu L không vay tiền của ông S.

Nguyên đơn ông Bùi Văn S và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xác định việc ông Scho ông L vay tiền là có thật, ông L đã ký nhận vào Giấy biên nhận, có người làm chứng là ông Xô. Do vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu L ủy quyền kháng cáo và tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị Q. Chị Quỳnh gửi đơn kháng cáo trong thời hạn quy định nên kháng cáo phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L, HĐXX xét thấy:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng vay tài sản và nguồn tiền cho vay: Căn cứ Giấy biên nhận ngày 30/5/2020 do ông Bùi Văn S đã xuất trình với nội dung ông Bùi Văn S cho ông Nguyễn Hữu L vay số tiền 600.000.000 đồng, hàng tháng trả lãi theo lãi của Quỹ tín dụng nhân dân Tiên Động, sau một năm trả gốc, có chữ ký của ông Nguyễn Hữu L (người nhận tiền). Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu ông L không thừa nhận chữ ký trên là của ông, sau đó ông lại thừa nhận là chữ ký của ông. Tại Kết luận giám định số 45/KL-KTHS (TL) ngày 20/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng đã kết luận chữ ký ở mục người nhận tiền tại giấy biên nhận ngày 30/5/2020 và chữ viết, chữ ký của ông L trên các tài liệu mẫu so sánh là do chính ông L ký, viết ra. Tuy nhiên ông lý giải lý do ông ký là vì chỗ thông gia, ông Sửa đổi ông ký để ông S đảo sổ

vay Quỹ tín dụng cho con gái và con rể nên ông có ký mà không đọc nội dung. Việc ông L nêu ra lý do ông S lừa dối ông ký nhưng không đưa ra được tài liệu chứng minh, bản thân ông L là người biết chữ, nhận thức bình thường nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông L. Về nguồn tiền ông S cho ông L vay: Khi ông L đặt vấn đề vay, vợ chồng ông S không có tiền nên đã đi vay của Quỹ tín dụng nhân dân T và đã thế chấp thửa đất của vợ chồng lấy số tiền 400 triệu đồng, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 087055 ngày 28/9/2017. Khi đưa tiền cho ông L, vì là chỗ thông gia nên không có giấy biên nhận, nhưng ông S, bà N đã chứng minh được nguồn tiền cho vay. Quá trình vay, ngày 01/10/2019, chính ông L đã mang số tiền 150.288.000 đồng trả Quỹ tín dụng cho hợp đồng vay của ông S, trong đó có trả nợ gốc là 150 triệu đồng và 288.000 đồng tiền lãi. Khi ông L nộp khoản tiền này Quỹ tín dụng có lập phiếu thu. Ông L cho rằng ông S vay tiền của quỹ tín dụng T để cho con gái và con rể vay chứ không phải cho ông L vay, ông L chưa bao giờ nộp tiền cho Quỹ tín dụng nhân dân Tiên Động. Tuy nhiên tại Kết luận giám định số 45/KL-KTHS (TL) ngày 20/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng đã kết luận chữ ký ở mục người nộp tiền Nguyễn Hữu L so với chữ ký của ông L trên các mẫu so sánh là do chính ông L ký, viết ra, do đó lời khai của ông L khẳng định từ năm 2017 đến năm 2020 ông không mang khoản tiền nào nộp cho khoản vay của ông S ở Quỹ tín dụng là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án đã xác minh với Quỹ tín dụng T thể hiện tại báo cáo chi tiết số dư tài khoản trong ngày 01/10/2019, không có thông tin chuyển khoản của người khác về Quỹ tín dụng để trả số tiền 150.288.000 đồng cho khoản vay của ông S. Như vậy, trường hợp ông L không vay thì vì sao lại mang số tiền 150.288.000 đồng trả cho khoản vay của ông S. Chính vì vậy mà đến ngày 30/5/2020, khi ông S cho vay thêm khoản tiền 200 triệu đồng, ông S đã đưa cho ông L tại nhà ông L, ông X chỉ là người đi ngang qua vào nhà ông L sau khi ông S đã đưa tiền cho ông L và không chứng kiến đưa tiền, vì đã đưa tiền trước đó nên hai bên chốt và làm giấy biên nhận, hai bên vui vẻ, ông L tự nguyện ký vào mục người vay tiền. Phù hợp với nguồn tiền mà ông S vay của chị Vui, sau đó khoảng 02 tháng, chị Vui đòi thì vợ chồng ông tiếp tục vay của Quỹ tín dụng số tiền 200 triệu đồng trả chị Vui làm nhà (có hợp đồng vay của Quỹ tín dụng). Như vậy, lời khai của ông S phù hợp với kết luận giám định chữ viết ở dưới mục người nhận tiền trong giấy biên nhận ngày 30/5/2020 là của ông Nguyễn Hữu L. Bản thân ông L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình, nếu ông cho rằng ông S anh Tr, chị Quý vay tiền thì đó là quan hệ vay nợ giữa vợ chồng ông S và vợ chồng anh Tr, ông không có nghĩa vụ phải ký giấy biên nhận cho ông S và nếu ông không tự nguyện ký thì không ai có thể bắt ông ký được. Việc ông L ký giấy biên nhận là đồng nghĩa với việc ông chấp nhận các nội dung thỏa thuận trong giấy biên nhận ngày 30/5/2020 và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, ông L đưa ra quan điểm không vay, không nhận tiền vay của ông S nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có cơ sở chấp nhận. Từ phân tích trên có căn cứ xác định giữa ông S và ông L có ký và xác lập quan hệ vay và cho vay tài sản.

[2.2] Xét về số tiền ông Skhởi kiện đòi ông L, HĐXX xét thấy: Quan hệ vay nợ giữa ông L và vợ chồng S, và quan hệ vay nợ giữa vợ chồng ông S và Quỹ tín dụng nhân dân là hai quan hệ vay nợ độc lập, ông L không phải có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng cho khoản vay của ông S, nhưng lại có mối liên hệ với nhau vì nguồn tiền mà ông S cho ông L vay là do ông S đi vay của Quỹ tín dụng. Theo tài liệu mà Quỹ tín dụng Tcung cấp, ngày 01/10/2019, ông L đã mang 150.288.000 đồng tiền trả Quỹ tín dụng cho khoản vay của ông S, trong đó trả nợ gốc là 150 triệu đồng và 288.000 đồng tiền lãi, ông S, bà N cho rằng khoản tiền trên bản chất là của ông bà đưa cho ông L mang trả cho Quỹ tín dụng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, số tiền 150.000.000 đồng trên phải được xác định là tiền gốc và 288.000 đồng tiền lãi mà ông L đã trả cho ông S. Như vậy, tổng số tiền mà ông L còn nợ ông S đến ngày 30/5/2020 chỉ còn tổng số 450 triệu đồng, trong đó khoản vay năm 2017 chỉ còn 250 triệu đồng và khoản vay ngày 30/5/2020 là 200 triệu đồng, do đó cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông S, buộc ông L phải trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Về tiền lãi: Tại giấy biên nhận, các bên có thỏa thuận về lãi suất theo lãi suất cho vay của Quỹ tín dụng Tiên Động. Theo biên bản xác minh, làm việc của Tòa án với Quỹ tín dụng Tiên Động, lãi suất cho vay đối với khoản vay trung hạn từ năm 2017 đến nay vẫn cố định với mức lãi suất 11,68%/năm (365 ngày), quy ra 0,96%/tháng (30 ngày) và ông Syêu cầu ông L phải trả lãi theo mức lãi của Quỹ tín dụng. Xét thấy mức lãi suất mà Quỹ tín dụng cho vay không vượt quá mức lãi suất do BLDS quy định. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông L phải trả cho vợ chồng ông S lãi suất trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy vay nợ 0,96%/tháng kể từ ngày vay đến thời hạn trả nợ là 30/5/2021 và phải trả lãi chậm trả trên số nợ gốc là 150% lãi suất trong hạn tương ứng với thời gian chậm trả (từ ngày 01/6/2021 đến ngày xét xử là 27 tháng 25 ngày) và phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong.

[2.4] Đối với khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc vay từ năm 2017 đến ngày chốt nợ 30/5/2020, ông S, bà N xác định các bên đã giải quyết xong, ông bà không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

[4] Về án phí: Ông L kháng cáo không được chấp nhận, song là người cao tuổi nên HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Nguyễn Hữu L, theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 7 Điều 27 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Nguyễn Hữu L.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND và Chi cục T.H.A DS huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự và Người đại diện theo ủy quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu Tòa GD&NCTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân